

TẠP CHÍ

GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI

Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, ĐIỂN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC

- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC THUỘC HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917



Số 170 (231) tháng 5/2025 (kì 1)

Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ MƯỜI CHÍN (Bộ mới)

Số 170 (231), Tháng 5/2025 (kì 1)

ISSN 1859-3917

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

ĐÀO TRỌNG THI

CAO VĂN PHƯỜNG

VŨ DŨNG

TRẦN VĂN NHUNG

NGUYỄN MINH THUYẾT

TRẦN VĂN ĐỘ

BÙI ANH TUẤN

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

TRẦN XUÂN NHĨ

TRẦN QUANG QUÝ

TRIỆU THẾ HÙNG

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HẰNG

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Phòng 308, Tập thể Tổng cục Thống kê, ngõ 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62946516 **Fax:** 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com **Website:** www.giaoducvaxahoi.vn

VĂN PHÒNG BẮC TRUNG BỘ

Phòng 1001, Toà nhà A6, số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0372.866.166

Email: giaoducxahoibtb@gmail.com

TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép xuất bản số: 229/GP-BTTTT ngày 02/6/2020 - Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Giá: 50.000 đồng

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 4 Nguyễn Thanh Chương:** Yếu tố tinh thần – một nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù của dân tộc ta - The spiritual factor – an important element in creating the strength to defeat the enemies of our nation.
- 8 Phạm Xuân Định:** Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam – nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp cách mạng ở nước ta - The communist party's Vietnam leadership role - the decisive factor for the success of the revolution in our country.
- 12 Nguyễn Thị Thu Hà - Phạm Hoàng Hà:** Vai trò của trí thức tinh hoa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc – thực trạng và giải pháp - The role of vietnamese elite intellectuals in the new era, the national development era.
- 17 Nguyễn Đức Kim Ngân:** Phân tích những vấn đề đặt ra trong công cuộc tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước trung ương tại Việt Nam - Analysis of issues in the streamlined process of the central state administrative apparatus in vietnam.
- 21 Trần Thị Phương Huỳnh:** Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực thành phố Cần Thơ trong bối cảnh mới - Solutions to improve the quality of human resource training of Can Tho city in the new context.
- 26 Nguyễn Đình Thảo:** Cơ hội và thách thức trong đào tạo một số ngành nghệ thuật tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay - opportunities and challenges in the training of certain art disciplines in vietnam in the context of ongoing digital transformation.
- 31 Thái Nguyên Hoàng Giang - Đào Mộng Uyển:** Phát triển văn hóa chất lượng trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giáo dục tại Trường Đại học Khánh Hòa - Developing a quality culture in the context of educational innovation and digital transformation at khanh hoa university.
- 35 Nguyễn Cao Phong:** Biện pháp quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể (TQM) ở các trường đại học - Measures for managing activities to ensure the quality of training programs according to the total quality management (TQM) approach in universities.
- 40 Lưu Vũ Nam:** Ứng dụng AI trong giảng dạy ngành Thông tin – Thư viện tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong bối cảnh chuyển: cơ hội và thách thức - Application of ai in teaching information-library studies at thanh hoa university of culture, sports and tourism in the context of digital transformation: opportunities and challenges.
- 45 Nguyễn Thị Thanh Thúy - Trần Thu Hiền:** Khuếch tán đổi mới trong giáo dục ngoại ngữ: bài học từ truyền thông chương trình Tiếng Trung phổ thông - Diffusing innovation in foreign language education: insights from the communication of the secondary school chinese language program.
- 50 Văn Thị Ái Nguyên - Lê Thành Thắng:** Giáo dục bậc cao đẳng trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 - College education in the context of the industrial revolution 4.0.
- 55 Nguyễn Bảo Luân - Hồ Trung Nghi:** Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất ở các trường đại học công lập hiện nay - Improving the quality of physical education in current public universities.
- 60 Lê Bích Phượng - Nguyễn Văn Chung:** Hướng tiếp cận liên ngành trong giảng dạy học máy: kết hợp đại số tuyến tính, xác suất thống kê và PCA - An interdisciplinary approach to teaching machine learning: integrating linear algebra, statistics, and PCA.
- 66 Huỳnh Phong Bá:** Nâng cao chất lượng quản lý tập trung sinh viên học môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trường Đại học Tiền Giang - Improving the quality of student centralized management studying national defense and security education at Tien Giang University.
- 71 Đinh Công Thanh Tùng:** Sinh viên với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam hiện nay - Students with the preservation and promotion of vietnamese national identity today.
- 76 Đoàn Quang Tuấn:** Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục an ninh phi truyền thống tại Trường Đại học Công Đoàn - Solutions to improve the quality of non-traditional security education at trade union university.
- 81 Hồ Thị Hồng Cúc:** Cách mạng Công nghiệp 4.0 – công cụ đắc lực giúp giảng viên vươn tới thành công - Industrial revolution 4.0 – a powerful tool helping instructors reach success.
- 86 Nguyễn Thị Nhiên:** Công nghệ và sự cần thiết ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngôn ngữ anh: nghiên cứu trường hợp các trường đại học tư thục - Technology and the need to apply technology in English language teaching: A case study of private universities.
- 91 Nguyễn Mai Sương - Phùng Văn Thân:** Học tập Tiếng Anh theo hình thức trực tuyến hiệu quả tại các trường đại học tư thục - Effective online English learning at private universities.
- 96 Lê Quang Thuận - Nguyễn Thị Thanh Hải - Dương Khánh Thoại:** Giáo dục lối sống văn hóa, đạo đức cách mạng cho thanh niên theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay - Ethical education and lifestyle for youth and students according to president ho chi minh's will in the current context.
- 100 Dương Thị Thanh Tú:** Nhận thức về việc chuyển ngữ như một phương pháp sư phạm của giáo viên tiểu học dạy Tiếng Anh như ngoại ngữ tại một trung tâm anh ngữ tư nhân ở Hà Nội - Perceptions towards translanguaging as a pedagogical approach among EFL primary teachers at a private English center in Hanoi.
- 106 Đoàn Kim Phúc - Nguyễn Thị Như Hương - Lê Thị Lan Phương:** Thanh tra nội bộ trong xu hướng tự chủ giáo dục đại học và một số đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình - Internal inspection in the context of university autonomy and recommendations for enhancing internal inspection effectiveness at quang binh university.
- 110 Phạm Nguyễn Phúc Toàn:** phát triển mô hình quản trị đại học theo khuôn khổ University-as-a-service (UAAS) đáp ứng yêu cầu đại học tự chủ tại Việt Nam - developing a university management model based on the University-as-a-service (UAAS) framework to meet the requirements of university autonomy in vietnam.
- 115 Lê Thị Thu Trang:** Phương pháp phát triển kỹ năng thanh nhạc cho sinh viên Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa qua các lớp học thực hành - The methods for developing vocal skills for students at the university of culture, sports, and tourism thanh hoa through practical singing classes.
- 120 Trịnh Ngọc Thanh:** Đánh giá hiệu quả tích hợp công nghệ vào giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành - Evaluating the effectiveness of technology integration in english for specific purposes (ESP) instruction.

- 125 Lương Hoàng Phương Thảo:** Phương pháp giảng dạy tương tác trong học phần Kinh tế vi mô: ứng dụng xây dựng bài giảng “Lý thuyết chi phí trong ngắn hạn” - Interactive teaching method in microeconomics: application in “short-run cost theory” lesson.
- 130 Hồ Thị Dung:** Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học: cơ hội và thách thức trong dạy và học lý luận chính trị - Intelligence in higher education: opportunities and challenges in day and day political theory learning.
- 135 Ngô Thị Uyên Tuyền:** Sự tồn tại và phát triển của trường đại học địa phương trong xu thế hội nhập toàn cầu - The survival and development of local higher education in the context of global integration.
- 139 Lê Quang Trung:** Ảnh hưởng của văn hóa số đến động lực tham gia hoạt động thể chất của sinh viên đại học: vai trò của các nền tảng mạng xã hội - The impact of digital culture on university students' motivation for physical activity: the role of social media platforms.
- 144 Nguyễn Xuân Trường:** AI và khoảng cách thế hệ: sinh viên thế hệ Z và giảng viên ngoại ngữ kết nối trong môi trường học tập số - AI and the generation gap: connecting generation Z students and language lecturers in a digital learning environment.
- 149 Hoàng Thị Hồng Trang - Nguyễn Ngọc Minh Thư - Võ Gia Mẫn - Trương Quỳnh Nhi:** Giải pháp thực tế ảo trong giảng dạy Tiếng Nga du lịch - Virtual reality solutions in teaching russian for tourism.
- 154 Nguyễn Thị Thúy Nga - Đào Phương Thư - Man Nhật Bảo Nguyên - Trần Hoàng Phương Nguyên:** Niềm tin của sinh viên về hoạt động thiện nguyện - Student perceptions of voluntary engagement.
- 159 Trần Hoàng Phương Nguyên - Man Nhật Bảo Nguyên - Nguyễn Thị Thúy Nga - Đào Phương Thư:** Góc nhìn mới về thiện nguyện của thế hệ trẻ (nghiên cứu trường hợp sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) - A new perspective on volunteerism among the young generation: a case study of students at vietnam national university – ho chi minh city.
- 165 Phạm Thu Thủy:** Đa dạng phương pháp giảng dạy đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học - Diversifying teaching techniques to meet the output standards of university training programs.
- 170 Trần Thị Lợi:** Tâm lý thích nghi của sinh viên trong môi trường đại học - sự khác biệt giữa các thế hệ - Students' psychological adaptation in the university environment - generational differences.
- 175 Ma Thị Ngọc Ánh:** Quản lý đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học theo tiếp cận đảm bảo chất lượng - Training management of Nursing Education at undergraduate level according to quality assurance approach.
- 180 Lê Thị Minh Thi:** Trải nghiệm nghề nghiệp đầu đời của cựu sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc: Một tiếp cận hiện tượng luận diễn dịch - Early career experiences of Chinese Language graduates: a hermeneutic phenomenological approach.
- 186 Nguyễn Thừa Phát Tài - Nguyễn Hoàng Duy Thiện:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy và học tập ở đại học tại Việt Nam - Application of artificial intelligence in teaching and learning at universities in Vietnam.
- 190 Ma Thị Ngọc Ánh:** Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Quản lý điều dưỡng thông qua hình thức tổ chức dạy học tích hợp - Innovating the teaching method of Nursing Management through an integrated teaching organization.
- 195 Nguyễn Thị Hồng Diệp:** Tác động của công nghệ số đến năng lực tự học của sinh viên đại học: tiếp cận từ thuyết Tự quyết (self-determination theory) - The impact of digital technology on university students' self-directed learning: a self-determination theory approach.
- 200 Nguyễn Kim Vui - Nguyễn Thị Tứ - Phạm Văn Tuấn:** Tự ý thức trong hoạt động học tập của sinh viên một số trường đại học khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Self-consciousness in learning among university students in ho chi minh city.
- 206 Trần Thanh Dũ - Nguyễn Thị Kiều Hương - Âu Minh Triết:** Tự học - giải pháp quan trọng để khắc phục những rào cản trong việc học Tiếng Trung: khảo sát sinh viên hệ thường xuyên Trường Đại học Thủ Dầu Một - Self-study - an important solution to overcome barriers in learning Chinese: a survey of regular students at Thu Dau Mot University.
- 210 Huỳnh Thanh Bình:** Sự tương tác giữa bản sắc nghề nghiệp, quyền tự quyết và sự định vị của giáo viên Tiếng Anh - The relationship between efl teachers' professional identity, agency and positioning.
- 215 Nguyễn Vũ Kha - Phạm Văn Hiền - Đặng Văn Khoa - Nguyễn Thị Kim Tú:** Nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo Việt Nam cho thanh niên, sinh viên, góp phần bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa trong tình hình mới - Raising awareness of vietnam's sea and island sovereignty for youth and students, contributing to early and distant defense of the fatherland in the new situation.
- 220 Trần Thanh Dũ - Trần Thị Hải Yến - Nguyễn Lê Ngọc Thy:** Thực trạng tự học của sinh viên Viện Đào tạo ngoại ngữ Trường Đại học Thủ Dầu Một - The current situation of self-study of students at the Foreign Language Training Institute, Thu Dau Mot University.
- 225 Võ Ngọc Trâm:** Ứng dụng giáo dục STEAM trong tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non - Applying STEAM education in organizing scientific discovery activities for 5-6 year old preschool children in kindergarten.
- 230 Bùi Thị Xuân Lựa:** Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ mầm non - Factors affecting responsive care skills in preschool chil-dren.
- 235 Lê Thị Quỳnh:** Một số biện pháp giáo dục trải nghiệm nhằm hình thành sự đồng cảm và chia sẻ ở trẻ khuyết tật trí tuệ trong môi trường tiểu học hòa nhập - Experiential educational approaches to foster empathy and sharing in children with intellectual disabilities in inclusive primary school settings.
- 240 Nguyễn Thị Loan:** Áp lực điểm số và ảnh hưởng đến sức khỏe tâm lý học sinh - The pressure of grades and its effects on students' mental well-being.
- 245 Nguyễn Thị Thoại Mỹ - Nguyễn Thị Muối Em:** Phát triển năng lực hợp tác và khám phá khoa học qua hoạt động nhóm sử dụng ánh sáng (light lab) cho trẻ 5-6 tuổi - Developing cooperative skills and scientific exploration through group activities using light (light lab) for children aged 5-6 years old.
- 250 Lê Quang Hùng - Trần Tấn Hải - Lê Thị Mỹ Nương:** Dạy học tích hợp lịch sử, địa lý địa phương trong môn Lịch sử và Địa lý cho học sinh lớp 5 ở trường tiểu học - Integrating local history and geography in the history and geography subject for fifth grade students at primary school.
- 257 Đinh Phương Thảo:** Phát triển tư duy toàn cầu ở trẻ em qua chương trình giáo dục song ngữ - Developing global thinking in children through bilingual education programs.

- 261 Nguyễn Đăng Hải:** Hiệu quả ứng dụng nội dung giảng dạy ngoại khóa môn cầu lông cho học sinh Lớp 8, Trường Trung học Cơ sở Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang - Effectiveness of applying extra-curricular teaching content of badminton for 8th grade students, vĩnh kim secondary school, chau thanh district, tien giang province.
- 267 Lê Thị Ngọc Tú - Trần Thị Minh Tuyên - Trương Thị Bạch Yến:** Tích hợp giải thích một số hiện tượng thực tiễn khi dạy học chủ đề điện và từ - chương trình khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở - Integrating explanations of some real-life phenomenon when teaching the topic electricity and magnetism - natural sciences - secondary school.
- 272 Nguyễn Thị Hương Thảo - Hồ Thị Thanh Trúc - Ngô Thị Duyên:** Chuyển nhượng quyền phát triển không gian theo pháp luật trung quốc và khả năng áp dụng tại Việt Nam - Transfer of space development rights under chinese law and applicability in vietnam.
- 278 Nguyễn Ngọc Sang:** So sánh mô hình quản trị doanh nghiệp theo học thuyết giá trị cổ đông và học thuyết giá trị các bên liên quan: bài học kinh nghiệm cho pháp luật doanh nghiệp Việt Nam - Comparative analysis of corporate governance models based on the shareholder value theory and the stakeholder value theory: lessons for vietnam's corporate law.
- 283 Nguyễn Thanh Tâm - Lê Thị Thanh Lai:** Hoàn thiện pháp luật chứng khoán việt nam trong bối cảnh hội nhập: góc nhìn so sánh từ pháp luật chứng khoán Liên Bang Nga - Perfecting Vietnamese securities law in the context of integration: comparative perspective from Russian Federation securities law.
- 288 Đỗ Bằng Linh:** Nguyên tắc không có luật thì không có tội phạm và việc bảo vệ quyền con người bằng Luật Hình sự ở Việt Nam - The principle that without laws, there are no crimes and the protection of human rights through criminal law in vietnam.
- 293 Đinh Thị Hằng:** Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giao dịch tài sản mã hóa và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam - Solutions to improve the efficiency of applying laws on crypto asset trading and lessons for vietnam.
- 298 Nguyễn Thanh Tâm - Trần Anh Phương:** Hợp đồng thương mại điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện - E-commerce contracts according to Vietnam's legal regulations - some disadvantages and recommendations for improvement.
- 303 Trương Quang Trị:** Tăng cường mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực - Enhancing the collaboration between educational institutions and enterprises in human resource development.
- 308 Bùi Minh An:** Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy trong tình hình hiện nay -
- 313 Vũ Quốc Huy:** Vai trò của giá trị nhân văn quân sự trong phát triển nhân cách thanh niên quân đội - The role of military human values in developing the personality of military youth.
- 317 Hà Diệu Thu Thảo:** Giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên hiện nay - Legal awareness education for current students.
- 323 Phùng Thị Thúy Phương:** Khác biệt hóa truyền thông: chiến lược bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại Thanh Hóa - Differentiating communication: conservation and promotion strategy for cultural heritage in Thanh Hoa.
- 328 Nguyễn Thị Mai Hương:** Về cách tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu khoa học lịch sử hiện nay - On interdisciplinary approaches in current historical research.
- 333 Lê Phú:** Ảnh hưởng của truyền thông mạng đến đời sống tín đồ Phật giáo tại Việt Nam - The impact of online communication on the lives of buddhist followers in vietnam.
- 338 Lê Thị Thuý Hằng:** Đối thoại về các giá trị lịch sử, văn hoá (trường hợp tiểu thuyết Việt Nam đương đại) - Dialogue on historical and cultural values - The case of contemporary Vietnamese novels.
- 342 Hồng Quang Minh:** Ngã Ba Đồng Lộc - Dấu ấn Lưu Trọng Ninh - Dong Loc T-junction - The mark of Luu Trong Ninh.
- 347 Ngô Thị Lệ Thu - Đinh Thị Kiều Oanh:** Vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ người cao tuổi kết nối nguồn lực tại cộng đồng trên địa bàn xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang - The role of social work in supporting older adults to connect with community resources in nam thai son commune, Hon dat district, kien giang province.
- 353 Đoàn Chuẩn Võ Trường An - Phạm Thị Quỳnh Lan - Lê Thị Như Nguyệt - Trần Thị Thúy - Nguyễn Cẩm Tùng - Phạm Thị Nga:** Ứng dụng mô hình tâm lý học gia đình trong quản lý căng thẳng: giải pháp nâng cao chất lượng quan hệ gia đình trong đời sống thực tế - Application of family psychology model in stress management: solutions to improve family relationships in real life.
- 358 Nguyễn Thị Mỹ Dung:** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế tại Cục thuế Quảng Ngãi - Promoting the application of information technology in tax administration at quang ngai tax department.
- 363 Võ Nguyễn Nam Anh - Nguyễn Xuân Phúc:** Tác động của nền kinh tế số đến tiểu thương tại các chợ truyền thống trên địa bàn các tỉnh, thành phố - The impact of the digital economy on traditional market vendors in provincial and urban areas.
- 369 Nguyễn Thị Quyên:** Tiếp biến văn hóa người Việt - người Khmer trong tín ngưỡng dân gian ở Hòn Đất hiện nay - Cultural exchange and interaction between the vietnamese and khmer through community beliefs in hon dat.
- 374 Nguyễn Phương Thảo - Phạm Thu Uyên:** Phát triển du lịch đêm tại hà nội trong tiến trình đô thị hóa và hội nhập: hiện trạng, tiềm năng và giải pháp - Developing night tourism in hanoi in the process of urbanization and integration: current status, potential and solutions.
- 379 Phan Thị Cẩm Hồng - Trần Văn Minh Đạt:** Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm xanh của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Mỹ Tho - factors affecting consumers' decision to buy green food in My Tho city, Tiền Giang province.
- 385 Trần Văn Thương:** Các yếu tố tác động đến phát triển du lịch trekking tại Khu du lịch Núi Cấm, tỉnh An Giang - Factors affecting the development of trekking tourism at Cam mountain tourist area, An Giang province.
- 390 Phạm Thị Ngọc Sương:** Mô hình và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững tại tỉnh Vĩnh Long - Models and solutions for sustainable agricultural economics: a case study of vĩnh long province.
- 395 Hà Thu Huyền:** Một số giải pháp đưa trang phục nữ Người Mông Hoa huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trở thành sản phẩm du lịch - Some solutions to bring mong hoa female costumes in ham yen district, tuyen quang province to become a tourism product.

SO SÁNH MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THEO HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG VÀ HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN: BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC SANG
Trường Đại học Bình Dương

Nhận bài ngày 18/4/2025. Sửa chữa xong 25/4/2025. Duyệt đăng 05/5/2025.

Abstract

International practice demonstrates that a harmonious integration of these two theories, exemplified by models such as the “Enlightened Shareholder Value” in the United Kingdom and the co-determination system in Germany, is paving the way for more equitable and sustainable corporate law reforms. Based on theoretical analysis and international experience, this study proposes the incorporation of key stakeholder protection principles into Vietnam’s corporate law, with the aim of enhancing corporate social responsibility and governance effectiveness in a modern market economy.

Keywords: Shareholder Theory, Stakeholder Theory, Corporate Governance, Shareholder Value, Sustainable Governance.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu cấp thiết về phát triển bền vững, quản trị doanh nghiệp đang dần dịch chuyển khỏi tư duy truyền thống lấy cổ đông làm trung tâm, để hướng tới mô hình đề cao trách nhiệm xã hội và sự tham gia của các bên liên quan. Hai học thuyết nền tảng định hình tư tưởng và mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại là học thuyết giá trị cổ đông (shareholder value theory) và học thuyết giá trị các bên liên quan (stakeholder value theory). Trong khi học thuyết giá trị cổ đông đề cao mục tiêu tối đa hóa giá trị cho cổ đông, những chủ sở hữu hợp pháp của doanh nghiệp, thì học thuyết giá trị các bên liên quan lại mở rộng phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp, yêu cầu xem xét hài hòa lợi ích của người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và môi trường. Sự đối lập trong cách tiếp cận đã dẫn đến sự phân hóa mô hình quản trị doanh nghiệp giữa các quốc gia, phản ánh qua hệ thống pháp luật doanh nghiệp và cấu trúc quản trị nội tại. Mô hình cổ đông được thể chế hóa tại các nước theo hệ thống thông luật như Hoa Kỳ, trong khi mô hình các bên liên quan được triển khai sâu rộng tại các quốc gia theo dân luật như Đức, Nhật Bản, với các quy định bảo đảm vai trò của người lao động và cộng đồng trong quá trình ra quyết định. Tại Việt Nam, Luật Doanh nghiệp vẫn đang thiên lệch về phía cổ đông, chưa có cơ chế pháp lý hữu hiệu bảo vệ quyền lợi của các chủ thể phi cổ đông. Vì vậy, việc so sánh hai mô hình quản trị doanh nghiệp nói trên không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn là cơ sở thực tiễn để rút ra bài học cho quá trình cải cách pháp luật doanh nghiệp Việt Nam theo hướng hài hòa lợi ích, nâng cao trách nhiệm xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững.

2. Tổng quan về học thuyết giá trị cổ đông và học thuyết giá trị các bên liên quan trong quản trị doanh nghiệp

2.1. Khái quát học thuyết giá trị cổ đông trong quản trị doanh nghiệp

Học thuyết giá trị cổ đông (Shareholder Value Theory), còn được gọi là học thuyết tối đa hóa lợi ích cổ đông, là một trong những học thuyết nền tảng và có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp hiện đại. Học thuyết này cho rằng mục tiêu chính yếu và hợp pháp của doanh nghiệp là tối đa hóa giá trị tài chính cho cổ đông, những người sở hữu vốn của công ty. Trong mô hình này, ban

Email: nguyenngocsang.161706@gmail.com

điều hành và hội đồng quản trị có nghĩa vụ cao nhất là đảm bảo lợi ích cổ đông thông qua việc gia tăng giá cổ phiếu và cổ tức chi trả. Các quyết định quản trị, chiến lược đầu tư hay phân bổ nguồn lực đều phải được đánh giá dưới tiêu chí lợi ích tài chính mang lại cho cổ đông [1]. Ví dụ, đối với chủ nợ, họ thường được bảo vệ thông qua ít nhất hai cơ chế quan trọng, bên cạnh cơ chế pháp lý cơ bản là quyền được ưu tiên thanh toán từ tài sản còn lại của công ty trước cổ đông. Thứ nhất, đó là cơ chế vốn pháp định, đặc biệt phổ biến trong hệ thống pháp luật Anh - Mỹ, theo đó các cổ đông buộc phải góp một khoản vốn tối thiểu nhất định. Khoản vốn này đóng vai trò là nền tảng tài chính để công ty thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với chủ nợ. Thứ hai, chủ nợ có thể yêu cầu công ty thiết lập các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng, chẳng hạn như thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh. Nhờ những biện pháp này, quyền lợi của chủ nợ được tăng cường, bảo đảm khả năng thu hồi nợ khi công ty không còn khả năng chi trả [2].

Cơ sở triết lý của học thuyết này bắt nguồn từ tư tưởng kinh tế thị trường tự do, đặc biệt là quan điểm của Milton Friedman. Trong bài viết nổi tiếng năm 1970, Friedman lập luận rằng *“trách nhiệm xã hội duy nhất của doanh nghiệp là gia tăng lợi nhuận cho cổ đông, miễn là doanh nghiệp tuân thủ luật pháp và các chuẩn tắc đạo đức của xã hội”* [3]. Lập luận này tạo tiền đề cho việc phổ biến học thuyết cổ đông trong bối cảnh kinh tế tự do và thị trường vốn phát triển. Về mặt học thuật, học thuyết giá trị cổ đông được củng cố vững chắc bởi học thuyết đại diện (Agency Theory) do Michael C. Jensen và William H. Meckling phát triển vào năm 1976. Lý thuyết này phân tích mối quan hệ giữa các bên trong doanh nghiệp dưới góc độ hợp đồng, trong đó cổ đông được xem là “người ủy quyền”, còn nhà quản lý là “người đại diện”. Theo đó, nhà quản lý được trao quyền thay mặt cho cổ đông để điều hành doanh nghiệp nhằm thực hiện các quyết định đầu tư, kinh doanh [4].

Dưới tác động của học thuyết cổ đông, doanh nghiệp được quản trị theo các tiêu chí tài chính rõ ràng như tăng trưởng lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn, tỷ suất cổ tức và giá trị thị trường. Từ cuối thập niên 1980, mô hình này đã trở thành trung tâm trong làn sóng cải tổ doanh nghiệp tại Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, đặc biệt thông qua các chiến lược tái cấu trúc, mua bán, sáp nhập, tối ưu hóa tài sản và tinh gọn lao động, với mục tiêu cuối cùng là “tối đa hóa giá trị cổ đông”. Đây cũng là giai đoạn được tác giả Sean Delehanty gọi là “Cuộc cách mạng giá trị cổ đông”, khi các nhà đầu tư chủ động, quỹ đầu cơ và tư vấn quản trị gây áp lực mạnh mẽ lên các công ty niêm yết để tập trung vào hiệu quả tài chính ngắn hạn. Tuy nhiên, sự thống trị tuyệt đối của học thuyết cổ đông cũng làm dấy lên những phản ứng gay gắt từ giới học giả, nhà lập pháp và xã hội. Một trong những phê phán lớn nhất là việc học thuyết này bỏ qua vai trò của các bên liên quan như người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, môi trường và cộng đồng. Việc cắt giảm chi phí nhân sự, trì hoãn đầu tư dài hạn hoặc né tránh trách nhiệm xã hội vì mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn đã dẫn đến bất bình đẳng thu nhập, suy giảm lòng trung thành của nhân viên và mất niềm tin xã hội vào doanh nghiệp [5]. Như Jack Welch, cựu CEO của General Electric từng thẳng thắn chỉ trích *“Việc tập trung tối đa hóa giá cổ phiếu là ý tưởng ngớ ngẩn nhất thế giới”*.

Trước những hệ quả này, học thuyết cổ đông đã và đang được điều chỉnh để phù hợp hơn với bối cảnh phát triển bền vững. Điển hình là mô hình *“Giá trị cổ đông khai sáng”* (Enlightened Shareholder Value – ESV), được ghi nhận cụ thể tại Điều 172 Luật Công ty Vương quốc Anh (Companies Act 2006). Quy định này yêu cầu giám đốc công ty, khi hành động vì lợi ích cổ đông, phải đồng thời cân nhắc đến lợi ích của người lao động, khách hàng, đối tác, môi trường, và danh tiếng lâu dài của doanh nghiệp. Đây là minh chứng pháp lý điển hình cho việc nội luật hóa một phiên bản điều chỉnh của học thuyết cổ đông, thể hiện sự chuyển dịch sang một mô hình quản trị hài hòa hơn giữa lợi ích tài chính và trách nhiệm xã hội. Vì thế, học thuyết giá trị cổ đông là trụ cột tư tưởng của mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, giúp thúc đẩy hiệu quả tài chính và minh bạch hóa trách nhiệm quản trị. Tuy nhiên, trước các thách thức mới của thời đại từ khủng hoảng môi trường, bất bình đẳng xã hội đến yêu cầu trách nhiệm đạo đức, học thuyết này cần được điều chỉnh và kết hợp hài hòa với các mô hình quản trị bao trùm hơn, điển hình là học thuyết các bên liên quan. Việc hiểu rõ bản chất, ưu điểm và giới hạn của học thuyết cổ đông là tiền đề quan trọng cho quá trình cải cách pháp luật doanh nghiệp ở Việt Nam theo hướng hiện đại, bền vững và công bằng hơn.

2.2. Khái quát học thuyết giá trị các bên liên quan trong quản trị doanh nghiệp

Học thuyết giá trị các bên liên quan (Stakeholder Value Theory), còn gọi là học thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory), là một trong những hệ tư tưởng đối trọng và phát triển song song với học thuyết cổ đông trong quản trị doanh nghiệp hiện đại. Học thuyết này nhấn mạnh rằng doanh nghiệp không chỉ tồn tại để phục vụ lợi ích của cổ đông, mà còn phải tạo ra giá trị và duy trì quan hệ hài hòa với tất cả các chủ thể có liên hệ lợi ích với hoạt động kinh doanh, bao gồm người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng, nhà nước và môi trường sinh thái. [6] Mỗi quyết định quản trị đều có thể mang lại hệ quả đáng kể cho các bên liên quan này. Chẳng hạn, cổ đông có thể đối mặt với nguy cơ mất toàn bộ vốn đầu tư, trong khi người lao động có thể đánh mất công việc. Tương tự, người tiêu dùng chịu ảnh hưởng bởi chính sách giá cả, chất lượng và độ an toàn của sản phẩm; chủ nợ có thể bị tổn thất tài chính nếu công ty phá sản hoặc mất khả năng thanh toán. Trong bối cảnh đó, mô hình quản trị doanh nghiệp dựa thuần túy trên học thuyết giá trị cổ đông, vốn chỉ tập trung vào tối đa hóa lợi ích tài chính cho cổ đông, được cho là không đủ để giải quyết những xung đột lợi ích và rủi ro phát sinh trong quan hệ giữa doanh nghiệp với các chủ thể khác. Do vậy, để phát triển bền vững và duy trì sự ổn định trong dài hạn, doanh nghiệp cần chuyển sang tiếp cận theo học thuyết các bên liên quan, tức là phải xem xét và dung hòa lợi ích của tất cả các nhóm có liên hệ mật thiết đến hoạt động của công ty. Chính sự hài hòa lợi ích này là nền tảng để doanh nghiệp đạt được sự ủng hộ xã hội, nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Cơ sở lý luận của học thuyết này được định hình một cách có hệ thống bởi R. Edward Freeman trong tác phẩm *Strategic Management: A Stakeholder Approach* (1984), trong đó ông định nghĩa bên liên quan là “*bất kỳ cá nhân hay nhóm nào có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi việc đạt được mục tiêu của tổ chức*”. Quan điểm này xuất phát từ thực tế rằng hoạt động của doanh nghiệp gắn bó mật thiết với một hệ sinh thái phức tạp các quan hệ xã hội, nơi cổ đông chỉ là một trong nhiều chủ thể có quyền lợi chính đáng. Theo đó, quản trị doanh nghiệp phải bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các bên thay vì theo đuổi lợi ích đơn nhất. Về phương diện quản trị, học thuyết các bên liên quan đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ tối đa hóa lợi nhuận mà còn tạo dựng giá trị lâu dài và bền vững thông qua cam kết trách nhiệm với xã hội, sự minh bạch trong vận hành, tôn trọng đạo đức và môi trường. Việc doanh nghiệp đối xử công bằng với người lao động, chú trọng an toàn sản phẩm, trung thực với khách hàng, đóng góp cho cộng đồng và bảo vệ sinh thái không chỉ là nghĩa vụ đạo đức, mà còn là yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh và sự chính danh của tổ chức trong dài hạn [7].

Khác với học thuyết cổ đông vốn có xu hướng thiên về lợi ích tài chính ngắn hạn, học thuyết các bên liên quan phát triển theo hướng toàn diện và bền vững hơn. Trong thực tiễn quốc tế, nhiều quốc gia đã cụ thể hóa học thuyết này vào hệ thống pháp luật doanh nghiệp. Điển hình là Đức – nơi mô hình “đồng quản trị” (Mitbestimmung) được ghi nhận trong Đạo luật Đồng quản trị 1976 (Mitbestimmungsgesetz), yêu cầu người lao động nắm giữ tới 50% ghế trong hội đồng giám sát của các công ty lớn, qua đó trực tiếp tham gia vào quá trình hoạch định và kiểm soát chiến lược quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia châu Âu như Hà Lan, Thụy Điển và Pháp cũng đã có cơ chế luật định để đảm bảo quyền tham vấn, thương lượng tập thể và bảo vệ lợi ích phi cổ đông trong cấu trúc quản trị công ty. Tại Anh, trong khi mô hình cổ đông vẫn chiếm ưu thế, thì Luật Công ty năm 2006 (Companies Act 2006) đã tích hợp một phần tư tưởng học thuyết các bên liên quan vào Điều 172, theo đó giám đốc khi hành xử vì lợi ích cổ đông phải cân nhắc đến hậu quả dài hạn, lợi ích của người lao động, mối quan hệ với nhà cung cấp, khách hàng, tác động đến môi trường và uy tín của doanh nghiệp trong xã hội. Đây là một bước tiến quan trọng trong quá trình “chuyển hóa pháp lý” giữa hai học thuyết lớn về quản trị doanh nghiệp. Ngoài khía cạnh pháp lý, học thuyết các bên liên quan còn được khẳng định trong thực tiễn kinh doanh hiện đại thông qua mô hình doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp vì lợi ích chung và báo cáo tích hợp, những phương thức ghi nhận trách nhiệm đa chiều của doanh nghiệp vượt ra khỏi báo cáo tài chính truyền thống. Tóm lại, học thuyết giá trị các bên liên quan đề xuất một cách tiếp cận rộng mở, bền vững và có tính nhân văn cao hơn trong quản trị doanh nghiệp. Trong thời đại mà doanh nghiệp không thể tồn tại độc lập với xã hội, môi trường và các chuẩn mực đạo đức toàn cầu, việc tiếp thu có chọn lọc các nguyên tắc của học thuyết này chính là hướng đi cần thiết cho quá trình

cải cách pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.3. So sánh học thuyết giá trị cổ đông và học thuyết giá trị các bên liên quan trong quản trị doanh nghiệp

Học thuyết giá trị cổ đông (Shareholder Value Theory) và học thuyết giá trị các bên liên quan (Stakeholder Value Theory) đại diện cho hai mô hình quản trị doanh nghiệp đối lập về triết lý mục tiêu và cách tiếp cận quyền lợi trong doanh nghiệp.

Thứ nhất, về mục tiêu quản trị. Học thuyết giá trị cổ đông đặt ra nguyên tắc tối đa hóa giá trị tài chính cho cổ đông là mục tiêu tối thượng. Doanh nghiệp, trong cách tiếp cận này, chỉ có nghĩa vụ với cổ đông, những người cung cấp vốn và chịu rủi ro cuối cùng. Trong khi đó, học thuyết các bên liên quan xác lập mô hình doanh nghiệp đa mục tiêu, trong đó giá trị doanh nghiệp được đo lường bởi khả năng tạo lợi ích đồng thời cho các chủ thể như người lao động, khách hàng, nhà cung ứng, cộng đồng và môi trường [8].

Thứ hai, về quan niệm quyền sở hữu và vai trò giám sát. Học thuyết giá trị cổ đông dựa trên học thuyết đại diện (Agency Theory), theo đó cổ đông là chủ sở hữu và người quản lý chỉ là đại diện, phải chịu sự kiểm soát và giám sát của cổ đông thông qua các công cụ như đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, cổ phiếu có quyền biểu quyết. Ngược lại, học thuyết các bên liên quan đặt ra yêu cầu mở rộng quyền tham gia giám sát và ra quyết định cho các chủ thể ngoài cổ đông. Tiêu biểu là mô hình đồng quản trị tại Đức (Mitbestimmung), nơi người lao động có thể nắm giữ đến 50% ghế trong hội đồng giám sát của doanh nghiệp lớn, thể hiện cơ chế kiểm soát phi tài chính hợp pháp và có tính ràng buộc cao.

Thứ ba, về tác động xã hội và định hướng phát triển. Học thuyết cổ đông thúc đẩy hiệu quả tài chính, tăng trưởng ngắn hạn, tối ưu hóa vốn, song lại dễ dẫn đến cắt giảm phúc lợi, bỏ qua trách nhiệm môi trường - xã hội, và tăng bất bình đẳng thu nhập [9]. Trong khi đó, học thuyết các bên liên quan tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển hài hòa với xã hội, cải thiện tính chính danh, gắn kết dài hạn với khách hàng, nhân viên và cộng đồng. Đây cũng là mô hình phù hợp với xu hướng toàn cầu hiện nay như phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và tiêu chuẩn ESG (Environmental - Môi trường), Social - Xã hội, Governance - Quản trị).

Thứ tư, về nội luật hóa trong hệ thống pháp luật. Học thuyết cổ đông được thể chế hóa rõ ràng trong các quốc gia theo hệ thống thông luật như Hoa Kỳ và Anh, điển hình là việc tập trung vào quyền biểu quyết của cổ đông và lợi nhuận ngắn hạn. Tuy nhiên, tại Anh, Điều 172 Luật Công ty năm 2006 đã bước đầu tích hợp yêu cầu cân nhắc lợi ích của các chủ thể phi cổ đông, phản ánh xu hướng tiếp cận học thuyết giá trị các bên liên quan trong một khuôn khổ cổ đông khai sáng. Trong khi đó, các quốc gia châu Âu theo truyền thống dân luật, như Đức, Hà Lan, Thụy Điển, đã có những quy định pháp lý rõ ràng về quyền của người lao động và trách nhiệm xã hội trong cấu trúc quản trị doanh nghiệp.

Nhìn chung, có thể thấy rằng học thuyết giá trị cổ đông phù hợp trong môi trường kinh doanh thuần túy định hướng lợi nhuận và cạnh tranh thị trường tự do, trong khi học thuyết giá trị các bên liên quan thích hợp hơn với bối cảnh toàn cầu hóa, nơi doanh nghiệp chịu ảnh hưởng ngày càng lớn từ kỳ vọng xã hội, pháp luật môi trường và yêu cầu phát triển bền vững. Nhiều công trình học thuật gần đây cũng khuyến nghị mô hình trung gian, kết hợp điểm mạnh của cả hai học thuyết để tạo ra giá trị lâu dài và hài hòa giữa lợi ích tài chính với trách nhiệm đạo đức, xã hội và môi trường.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam cần nhìn nhận rõ giới hạn của mô hình quản trị doanh nghiệp thuần túy dựa trên học thuyết cổ đông. Mặc dù Luật Doanh nghiệp năm 2020 của Việt Nam vẫn thiên về cơ cấu quyền lực tập trung cho cổ đông, đặc biệt là cổ đông chi phối, song thực tiễn cho thấy mô hình này có thể dẫn đến tình trạng lạm quyền, vi phạm quyền lợi của người lao động, khách hàng, đối tác nhỏ lẻ và làm suy giảm niềm tin xã hội vào doanh nghiệp. Kinh nghiệm từ cuộc “cách mạng giá trị cổ đông” tại Hoa Kỳ vào thập niên 1980 - 1990 cho thấy rằng việc theo đuổi tối đa hóa giá trị cổ phiếu trong ngắn hạn đã dẫn đến sa thải hàng loạt, suy giảm đầu tư dài hạn và gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Thứ hai, Việt Nam có thể học tập mô hình “giá trị cổ đông khai sáng” (Enlightened Shareholder Value – ESV) của

Vương quốc Anh được quy định tại Điều 172 Luật Công ty năm 2006, trong đó giám đốc công ty, bên cạnh nghĩa vụ trung thành với cổ đông, còn buộc phải xem xét đến các yếu tố như quyền lợi người lao động, quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp và tác động đến môi trường. Đây là hướng tiếp cận trung dung, dung hòa giữa hiệu quả tài chính và trách nhiệm xã hội, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững mà Việt Nam đang theo đuổi.

Thứ ba, Việt Nam cần tham khảo mô hình “đồng quản trị” (codetermination) tại Đức, một cơ chế pháp lý tiến bộ được quy định trong Đạo luật Mitbestimmungsgesetz 1976, theo đó người lao động có quyền tham gia Hội đồng giám sát và cùng cổ đông giám sát hoạt động của Ban điều hành. Mô hình này không chỉ bảo vệ quyền lợi người lao động mà còn tăng cường tính minh bạch, giảm xung đột lợi ích và nâng cao năng suất lao động thông qua sự tham gia thực chất của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định.

Thứ tư, cần xây dựng khung pháp lý thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội, hướng tới tiêu chuẩn ESG (Environmental - Môi trường, Social - Xã hội, Governance - Quản trị), đồng thời khuyến khích mô hình doanh nghiệp vì lợi ích chung, nơi mục tiêu lợi nhuận được đặt song song với tạo giá trị cho xã hội. Kinh nghiệm từ mô hình B-Corps tại Hoa Kỳ và các doanh nghiệp công ích tại Canada cho thấy, việc tích hợp nguyên tắc các bên liên quan vào định hướng chiến lược không làm suy giảm hiệu quả tài chính, mà ngược lại còn giúp doanh nghiệp tăng khả năng thích ứng và thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm.

Thứ năm, Việt Nam cần tiến hành nội luật hóa có chọn lọc các nguyên tắc của học thuyết giá trị các bên liên quan vào hệ thống pháp luật doanh nghiệp thông qua việc: (i) bổ sung quy định về nghĩa vụ xem xét lợi ích của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định quản trị; (ii) tăng cường vai trò đại diện tập thể người lao động trong cơ quan quản lý nội bộ doanh nghiệp; (iii) hoàn thiện cơ chế giám sát độc lập và minh bạch thông tin liên quan đến hoạt động xã hội, môi trường; (iv) thiết lập khung khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện áp dụng các mô hình quản trị bao trùm theo chuẩn quốc tế.

4. Kết luận

Qua việc phân tích và so sánh học thuyết giá trị cổ đông và học thuyết giá trị các bên liên quan, có thể thấy rằng mỗi học thuyết đều có những giá trị riêng trong việc định hình mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại. Nếu học thuyết giá trị cổ đông chú trọng hiệu quả tài chính và quyền lực sở hữu, thì học thuyết giá trị các bên liên quan nhấn mạnh vai trò của trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững. Thực tiễn pháp luật tại Anh, Đức và các nước phát triển cho thấy xu hướng kết hợp hai học thuyết để xây dựng mô hình quản trị hài hòa giữa lợi ích kinh tế và đạo đức doanh nghiệp. Đối với Việt Nam, đây là thời điểm thích hợp để tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, từng bước nội luật hóa các nguyên tắc quản trị đa chiều, nhằm hoàn thiện khung pháp luật doanh nghiệp theo hướng hiện đại, minh bạch và phù hợp với định hướng phát triển bền vững trong kỷ nguyên hội nhập.

Tài liệu tham khảo

- [1] Maeve O'connell và Anne-Marie Ward (2020), *Shareholder Theory/ Shareholder Value [Học thuyết cổ đông/Giá trị cổ đông]*, Nhà xuất bản Springer Nature.
- [2] Lê Thái Phong và Vũ Văn Ngọc (2016), *Các học thuyết về mục đích của công ty và việc áp dụng chúng trong Luật Doanh nghiệp ở Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật.
- [3] Sean Thomas Delehanty (2022), *The Shareholder Value Revolution [Cuộc cách mạng giá trị cổ đông]*, Luận án Tiến sĩ công bố tại Johns Hopkins University.
- [4] Zelalem Fekadu (2016), *Shareholder or Stakeholder Model of Corporate Governance: Which One Should Ethiopia Choose? (Mô hình quản trị công ty cổ đông hay mô hình các bên liên quan: Ethiopia nên lựa chọn mô hình nào?)*, Luận văn Thạc sĩ công bố tại Addis Ababa University – School of Law.
- [5] Morris G. Danielson, Karen M. Hogan, Gerard T. Olson (2024), *Shareholder Theory, Stakeholder Theory, and the Capital Budgeting Decision (Học thuyết cổ đông, học thuyết các bên liên quan và quyết định lập ngân sách vốn)*, Tạp chí Corporate Ownership & Control.
- [6] James Edward Wright (2023), *Stakeholder Theory and Law Enforcement Strategy Creation (Học thuyết các bên liên quan và việc xây dựng chiến lược thực thi pháp luật)*, Luận án Tiến sĩ công bố tại Walden University.
- [7] Julian Fares, Kon Shing Kenneth Chung và Alireza Abbasi (2021), *Stakeholder Theory And Management: Understanding Longitudinal Collaboration Networks (Học thuyết các bên liên quan và quản trị: Nhận thức về mạng lưới hợp tác trong tiến trình dài hạn)*, Tạp chí PLOS One.
- [8] Jamila Oubihl và Abdelkbir Elouidani (2016), *The Stakeholder Value: Contributions And Limitations (Giá trị của các bên liên quan: Những đóng góp và những hạn chế)*, Tạp chí International Journal of Business and Social Science.
- [9] Morris G. Danielson, Karen M. Hogan, Gerard T. Olson (2024), *Shareholder Theory, Stakeholder Theory, and the Capital Budgeting Decision (Học thuyết cổ đông, học thuyết các bên liên quan và quyết định lập ngân sách vốn)*, Tạp chí Corporate Ownership & Control.